

Số: 246/2021/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 177/2021/TLST-HNGĐ
ngày 23 tháng 3 năm 2021 về ly hôn giữa:

+ **Nguyên đơn:** Chị Cao Thị Hải Y – sinh 1996

Địa chỉ: Tổ 4, phường GS, TP.T, tỉnh Thái Nguyên

+ **Bị đơn:** Anh Lương Văn T – sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn HL, xã TY, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và
gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày
12 tháng 5 năm 2021

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong
biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 5 năm
2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái
đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện
ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả
thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị Hải Y và anh Lương
Văn T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Hải Y và anh Lương Văn T thuận tình
ly hôn.

- Về con chung: Chị Y và anh T có 01 con chung là Lương Nhật L, sinh ngày 08/7/2017. Các đương sự thống nhất: Chị Y trực tiếp nuôi con chung, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Thời điểm thực hiện việc cấp dưỡng: Từ tháng 5 năm 2021. Trường hợp anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, các đương sự tự thỏa thuận về việc tính lãi suất. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật, chị Y có đơn yêu cầu thi hành, nếu anh T chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Mức lãi suất do các đương sự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm thi hành. Trường hợp không thỏa thuận được thì lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Y tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004683 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TPTN;
- UBND xã TY, H.S, Tuyên Quang
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Vũ Thị An

